

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 108/2017/DSPT

Ngày: 11-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2017/TLPT – DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2017/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2017/QĐ-PT ngày 29/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962; Địa chỉ: thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

3.3. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

3.4. Ông Võ Văn B, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn 06, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

3.5. Bà Phan Thị O, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đắc Lắc,

vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.7 Bà Phạm Thị H. Địa chỉ: thôn 5, xã ER, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị L1, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày: Ngày 15/7/2015 ông Bùi Văn L có cho bà Nguyễn Thị L1, trú tại: Thôn 6, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vay 43.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay, không thỏa thuận lãi suất và hạn thời gian trả nợ là 07 ngày. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà L1 không trả được cho ông L số tiền vay trên, mặc dù ông L đến nhà đòi nợ nhiều lần. Do không trả được nợ cho ông L nên bà L1 có thỏa thuận bằng miệng từ ngày 25/7/2015 sẽ trả tiền lãi cho ông L là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau đó vào khoảng đầu tháng 8/2015 bà L1 có trả cho ông L được 5.000.000 đồng, hai bên viết thêm vào trong giấy vay là trừ 5.000.000 đồng bà L1 trả, còn nợ lại là 38.000.000 đồng và hạn đến ngày 20/01/2016 bà L1 sẽ trả cho ông L số tiền nợ gốc trên. Đến khoảng tháng 9/2015, do có việc của gia đình nên ông L có nói bà Phan Thị O (vợ cũ của ông L) đến nhà bà L1 lấy 5.000.000 đồng. Khoảng tháng 01/2016 ông L đến nhà bà L1 lấy 2 bao cà phê nhân khoảng 160 kg trị giá 5.000.000 đồng. Như vậy bà L1 đã trả được cho ông L 15.000.000 đồng và còn nợ ông L 28.000.000 đồng. Nay đã quá hạn trả nợ và ông L đã đòi nhiều lần nhưng bà L1 không trả nợ cho ông L. Vì vậy, ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho ông L 28.000.000 đồng tiền vay còn nợ và 3.146.000 đồng tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng 0,75%/tháng tạm tính từ ngày 21/01/2016 đến ngày 29/5/2017, tổng cộng là 31.146.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Khoảng ngày 8/7/2015 bà L1 có vay của ông L số tiền là 43.000.000 đồng để đảo nợ Ngân hàng. Đến ngày 15/7/2015 bà L1 trả cho ông L được 5.000.000 đồng, sau khi trả 5.000.000 đồng thì bà L1 ghi thêm vào giấy vay là bà L1 còn nợ ông L 38.000.000 đồng và hạn đến ngày 20/01/2016 bà L1 sẽ trả cho ông L số tiền này. Ngày 02/8/2015 ông T (em trai ông L) mua keo của bà L1 và nợ bà L1 7.000.000 đồng, ông L gọi điện thoại cho bà L1 nói bà L1 khấu trừ vào số tiền bà nợ ông L. Tháng 9/2015 bà L1 trả cho ông L 5.000.000 đồng, số tiền này bà đưa cho bà O (vợ cũ ông L) vì ông L gọi điện nói là đưa cho bà O để lo việc cho con ông L. Đến tháng 10/2015 bà L1 trả cho ông L 10.000.000 đồng tại nhà bà L1, việc trả nợ không ghi giấy tờ gì chỉ có ông Nguyễn Văn S chồng bà L1 có mặt ở nhà nhưng không nhìn thấy việc bà L1 đưa tiền cho ông L. Ngày 25/12/2015 bà L1 trả cho ông L 500.000 đồng tại chợ xã E (không có ai chứng kiến, không có ghi giấy tờ gì). Như vậy, bà L1 cho rằng đã trả cho ông L được 27.500.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ ông L 15.500.000 đồng. Ngày 13/01/2016 (âm lịch), ông L, ông T, bà H vào nhà bà L1 lấy 5 bao cà phê nhân và khi lấy ông L nói là xóa nợ cho bà L1. Khi ông L đến lấy cà phê của bà L1 để trừ nợ thì có ông S chồng bà L1 và ông B là em rể ông S chứng kiến. Ông L đến chở đi 2 bao gửi nhà bà Nguyễn Thị K, trú tại: Thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk còn 3 bao ông L chở về nhà. Như vậy bà L1 đã trả hết nợ cho ông L nên bà L1 không đồng ý với yêu cầu của ông L buộc bà L1 phải trả cho ông L 28.000.000 đồng tiền vay còn nợ và 3.146.000 đồng tiền lãi, cũng như lãi phát sinh sau này.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Vũ Thị H trình bày: Ngày

13/01/2016 âm lịch bà H có đi cùng ông L vào nhà bà L1, ông L có chở 2 bao cà phê nhân của bà L1 để trừ nợ. Sau khi ông L chở cà phê đi thì ông T vào chở bà H về, ông T không chở cà phê của bà L1.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn S trình bày: Việc bà L1 vay nợ ông L thì ông S không được biết. Khoảng tháng 10/2015 khi ông S đang bồ củi trước nhà thì ông L có vào nhà gặp bà L1 và thấy bà L1 có đưa cho ông L số tiền 10 triệu đồng. Ông S chỉ nghe bà L1 nói lại là tiền trả nợ chứ ông S không biết cụ thể là tiền gì.

- Tối ngày 13/01/2016 âm lịch khi ông S cùng ông Võ Văn B là em rể ông S về nhà thì gặp ông L, ông T, bà H đang chuẩn bị chở 3 bao cà phê đi, ông S không cho chở nhưng ông L vẫn chở. Bà L1 nói với ông S là ông L nói chở hết 5 bao cà phê đi để xóa nợ mà bà L1 nợ ông L nên ông S để cho ông L chở đi. Ông S chỉ biết là ngày 13/01/2016 âm lịch ông L đến chở tổng cộng 5 bao cà phê đi thì đã xóa hết nợ cho bà L1 ngoài ra ông S không biết cụ thể nợ như thế nào.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Bùi Văn T trình bày:

- Ngày 02/8/2015 ông T có mua của bà L1 khoảng 0,7ha cây keo với số tiền là 32.000.000 đồng. Ông T trả trước cho bà L1 25.000.000 đồng còn nợ lại 7.000.000 đồng hẹn đến khi chở xe cuối cùng là sẽ trả hết. Đến ngày cuối cùng ông T chở keo thì đã trả hết 7.000.000 đồng cho bà L1. Việc mua bán keo giữa ông T với bà L1 không liên quan gì đến ông L, ông cũng không thỏa thuận khấu trừ khoản tiền nào mà bà L1 nợ ông L.

- Ông T không chở bao cà phê nào ở nhà bà L1, chỉ có 1 lần ông T vào nhà bà L1 để chở bà H về.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị K trình bày: Vào khoảng 20 giờ ngày 13/01/2016 (AL) ông L có gửi tại hiên nhà bà 02 bao cà phê nhân, bà K có hỏi là cà phê của ai thì ông L nói là cà phê của nhà bà L1. Ông L gửi cà phê xong rồi bỏ đi, sáng hôm sau thì bà K không thấy cà phê nữa, không biết ông L chở đi khi nào.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Võ Văn B trình bày: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/01/2016 (AL) khi ông B và ông S đi từ nhà ông B về nhà bà L1 thì thấy ông L chở 02 bao và ông T 01 bao cà phê nhân từ nhà bà L1 đi ra. Ngoài ra ông B không chứng kiến ông L chở cà phê ra khỏi nhà bà L1 lần nào khác.

Tại bản án số 08/2017/DSST ngày 29/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk quyết định: Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L, buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho ông L 28.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.146.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 31.146.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 1.557.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên trả lại cho ông Bùi Văn L 1.073.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0037892 ngày 04/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/6/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Bùi Văn L giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm căn cứ vào giấy vay tiền của bà L1 trừ đi số tiền bà đã trả cho ông L và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn L, buộc bà Nguyễn Thị L1 phải cho ông L 28.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.146.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 31.146.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM NHẬN ĐỊNH:

[1] Ngày 15/7/2015, ông Bùi Văn L có cho bà Nguyễn Thị L1 vay 43.000.000 đồng, có thỏa thuận miệng với nhau thời gian trả nợ là 7 ngày. Tuy nhiên đến hạn trả nợ bà L1 không trả cho ông L mà đến đầu tháng 8/2015 bà L1 mới trả cho ông L 5.000.000 đồng. Sau đó hai bên thỏa thuận viết thêm vào giấy vay tiền và hẹn đến ngày 20/01/2016 sẽ trả. Đến khoảng tháng 9/2015 bà L1 có đưa cho bà O 5.000.000 đồng để trả nợ cho ông L. Như vậy, trong khoảng tháng 8/2015 và tháng 9/2015 bà L1 đã trả cho ông L tổng số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền bà L1 vay của ông L là 43.000.000 đồng và số tiền bà L1 đã trả cho ông L là 10.000.000 đồng các bên đều thừa nhận.

[2] Bà L1 cho rằng ngày 13/01/2016 (âm lịch), ông L, ông T, bà H vào nhà bà L1 lấy 5 bao cà phê nhân và khi lấy ông L nói là xóa nợ cho bà L1. Khi ông L đến lấy cà phê để trừ nợ thì ông S chồng bà L1 và ông B hàng xóm chứng kiến ông L chở 2 bao cà phê nhân và ông T chở 01 bao. Ông L đến chở đi 2 bao gửi nhà bà Nguyễn Thị K còn 3 bao ông L chở về nhà. Vào thời điểm ông L vào chở cà phê của bà L1 thì bà L1 cho rằng giá cà phê nhân là 30.000 đồng/1kg, 01 bao khoảng 65kg. Ông L cho rằng chỉ chở 2 bao cà phê của bà L1 đi bán được 5.000.000 đồng để trừ nợ. Các nhân chứng là ông T, bà H thì cho rằng bà H chỉ thấy ông L chở 2 bao cà phê đi còn ông T thì chỉ đến chở bà H về chứ không chở cà phê và cũng không biết ông L có chở cà phê đi

không. Ông S và ông B cho rằng thấy ông L chở 2 bao cà phê, ông T chở 1 bao cà phê đi. Lời khai của các nhân chứng là không thống nhất, việc nói xóa nợ và lấy 5 bao cà phê cũng không lập văn bản. Như vậy, bà L1 cho rằng ông L chở 5 bao cà phê đi để khấu trừ toàn bộ khoản nợ là không có căn cứ. Việc ông L cho rằng chở 2 bao cà phê của bà L1 bán được 5.000.000 đồng để khấu trừ nợ là phù hợp với lời khai của bà L1, bà K. Như vậy sau khi khấu trừ 5.000.000 đồng tiền cà phê thì bà L1 còn nợ ông L số tiền 28.000.000 đồng.

[3] Bà L1 cho rằng ngày 02/8/2015 ông T mua keo của bà L1 và nợ bà L1 7.000.000 đồng, ông L gọi điện thoại cho bà L1 nói bà L1 khấu trừ vào số tiền bà nợ ông L nhưng ông L và ông T không thừa nhận, bà L1 cũng không có chứng cứ gì về việc thỏa thuận trừ nợ giữa ông L, bà L1 và ông T nên không có căn cứ để chấp nhận. Bà L1 cho rằng tháng 10/2015 bà L1 trả cho ông L số tiền 10.000.000 đồng tại nhà bà L1, ngày 25/12/2015 bà L1 trả cho ông L 500.000 đồng tại chợ xã E nhưng cả hai lần trả nợ đều không có viết giấy tờ gì, không có ai chứng kiến chỉ có chồng bà L1 là ông Nguyễn Văn S thấy bà L1 đưa tiền cho ông L tại nhà bà L1 vào tháng 10/2015 theo lời trình bày của bà L1 và ông S nhưng ông L không thừa nhận, bà L1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên ý kiến của bà L1 là không có căn cứ.

[4] Như vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho ông L 28.000.000 đồng tiền nợ gốc và 3.146.000 đồng tiền lãi (tạm tính đến ngày 29/5/2017), tổng cộng 31.146.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 1.557.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuyên trả lại cho ông Bùi Văn L 1.073.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0037892 ngày 04/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

2.3 Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0037980 ngày 14/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Xuân Thủy